

Quân Lực Hoàng Gia Tân-Tây-Lan trong cuộc chiến Việt Nam

Nguyễn Hữu Thiện



I- BỐI CẢNH

Trong thời gian diễn ra chiến tranh Việt Nam, người Mỹ gọi là “Chiến Tranh Đông Dương lần thứ hai”, Tân-tây-lan (New Zealand) được xem là một “đồng minh” của VN trong Thế Giới Tự Do vì sự ràng buộc của hai Hiệp ước quân sự ANZUS và SEATO.

- Hiệp ước ANZUS (viết tắt của Australia, New Zealand, Unites States) được ký kết năm 1951 sau khi Trung Cộng chiếm Hoa Lục.

- Hiệp ước SEATO (Southeast Asia Treaty Organization), VNCH gọi là “Liên Phòng Đông Nam Á”, gồm các thành viên: Hoa Kỳ, Úc, Tân-tây-lan, Phi-luật-tân, Thái-lan, Hời Quốc (lúc đó còn gồm cả Đông Hời, ngày nay là Bangladesh), Pháp (đang bảo hộ Đông Dương), và Anh quốc (đang bảo hộ Hương Cảng, North Borneo và Sarawak).



Các nhà lãnh đạo quốc gia thành viên SEATO tại Manila năm 1966. Thủ tướng Tân-tây-lan Keith Holyoake đứng thứ tư tính từ bên phải

Tuy nhiên, từ ngày ấy cho tới nay, do vị trí hẻo lánh xa xôi cũng như khuynh hướng chính trị, Tân-tây-lan chưa bao giờ thân thiết với Hoa Kỳ như “người hàng xóm” Úc-đại-lợi.

Bên cạnh sự ràng buộc của hai Hiệp ước quân sự ANZUS và SEATO, việc Tân-tây-lan tham chiến tại Việt Nam còn do việc lúc đó (Sir) Keith Holyoake của Đảng Quốc Gia đang làm Thủ tướng, là người chủ trương duy trì tư cách “đồng minh với Hoa Kỳ” của đảo quốc bé nhỏ với dân số chưa tới 2 triệu rưỡi.

[Tân-tây-lan có hai đảng chính trị lớn: Đảng Quốc Gia (National Party) với khuynh hướng bảo thủ, khuynh hữu, và Đảng Lao Động (Labour Party) với khuynh hướng cấp tiến, khuynh tả]

* * *

Khởi đầu vào năm 1963, sau khi Úc đã đưa toán cố vấn (The Team) tới VN vào năm trước đó, trước áp lực của Hoa Kỳ và sự chống đối của các thành phần bõ câu trong nước, Thủ tướng Keith Holyoake đã dung hòa bằng cách chỉ gửi một toán giải phẫu dân sự gồm 7 người (về sau lên tới 16) tới Việt Nam, phục vụ tại bệnh viện Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tới giữa năm 1964, cùng với áp lực gia tăng của Hoa Kỳ, việc Việt Cộng và bộ đội chính quy Bắc Việt mở nhiều trận tấn công quy mô tại miền Nam VN, được sự đồng tình của một số chính khách Tân-tây-lan nhận ra hiểm họa của làn sóng đỏ tại Đông Nam Á, Thủ tướng Keith Holyoake đã chấp thuận gửi một lực lượng quân sự “không chiến đấu” tới Việt Nam, đó là toán công binh gồm 25 người, có danh xưng là “New Zealand Army Detachment Vietnam”, viết tắt là NEWZAD. Đơn vị công binh này đồn trú tại Thủ Dầu Một (Bình Dương), có nhiệm vụ xây dựng đường xá cầu cống.

II- THAM CHIẾN

- Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh:

Ngày 27/5/1965, tức là gần một tháng sau ngày Thủ tướng Úc Robert Menzies loan báo việc chính phủ Úc quyết định gửi một tiểu đoàn bộ binh sang chiến đấu tại Việt Nam, Thủ tướng Tân-tây-lan Keith Holyoake cũng công bố quyết định gửi một lực lượng tác chiến sang Việt Nam để thay thế toán công binh NEWZAD, đó là Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Hoàng Gia Tân-tây-lan, viết tắt là 161 Battery RNZA, thuộc Trung Đoàn 16 Pháo Binh Dã Chiến (16 Field Regiment).

[Trong danh xưng chính thức của đơn vị pháo binh này, cũng như hai đơn vị pháo binh của Úc ở VN, không có chữ “Tiểu Đoàn” (Battalion) mà chỉ là “161 Battery”. Tuy nhiên vì trước năm 1975, phía VNCH thường gọi đơn vị này là “Tiểu Đoàn Pháo Binh Tân-tây-lan”, chúng tôi cũng sử dụng danh xưng “Tiểu Đoàn” trong bài viết này]

Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan tới Việt Nam vào tháng 7/1965, gồm 9 sĩ quan, 101 hạ sĩ quan binh sĩ cùng với bốn khẩu đại bác 105 mm L5 (về sau được thay thế bằng sáu khẩu 105 mm M2A2).

Tại Biên Hòa, trong 12 tháng đầu, Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan được đặt dưới sự điều động của Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Hoa Kỳ, nhiệm vụ chính là yểm trợ hoạt động của Tiểu Đoàn 1 Bộ Binh, Trung Đoàn Hoàng Gia Úc-đại-lợi (1 RAR), lúc đó cũng nằm dưới quyền điều động của Lữ Đoàn 173 của Hoa Kỳ, hoạt động trong lãnh thổ tỉnh Biên Hòa.

Gần một năm sau, tháng 4/1966, khi Lực Lượng Đặc Nhiệm 1 Úc-đại-lợi (1 ATF) tới Việt Nam, đặt bản doanh tại Núi Đất, tỉnh Phước Tuy, Tiểu Đoàn 1 của Úc di chuyển về đây, trở thành một đơn vị của Lực Lượng Đặc Nhiệm.

Khi ấy, Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan được tự do lựa chọn: ở lại với Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Hoa Kỳ hoặc đi theo Tiểu Đoàn 1 của Úc, và “các con kiwi” đã quyết định theo “các kangaroo” để trở thành lực lượng yểm trợ của Lực Lượng Đặc Nhiệm Úc.

Ba tháng sau, Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan đã góp công sức không nhỏ vào chiến tích để đời của của quân đội Úc: trận Long Tân.



AUSTRALIAN WAR MEMORIAL

P05565.015

Một khẩu pháo 105 mm của Tiểu đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan

Ngay sau khi Đại Đội D của Tiểu Đoàn 6 Bộ Binh Úc (6 RAR) bị lọt vào ổ phục kích của Việt Cộng, ba tiền sát viên pháo binh Tân-tây-lan đi theo đại đội này - Đại úy Morrie Stanley, Hạ sĩ Willie Walker, Hạ sĩ Murray Broomhall - đã điều chỉnh tọa độ cho toàn bộ lực lượng pháo binh bạn, gồm 161 Battery của Tân-tây-lan, - 103 và 105 Battery của Úc, Tiểu Đoàn Trọng Pháo 2/35 của Lục Quân Hoa Kỳ, tổng cộng 24 khẩu, để yểm trợ cho 108 quân nhân (105 Úc và 3 tiền sát viên Tân-tây-lan) trong suốt 3 tiếng rưỡi đồng hồ, với nhịp bắn 6-8 viên một phút (2 viên nhiều hơn “nhịp bắn khẩn cấp”!

Sau trận này, danh tiếng của Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan nổi như cồn.

Từ đó cho tới ngày rời Việt Nam, Tiểu Đoàn còn góp phần vào nhiều chiến thắng khác của Lực Lượng Đặc Nhiệm Úc, trong đó được nhắc tới nhiều nhất phải là trận Coral-Balmoral (tên hai căn cứ yểm trợ hỏa lực nằm ở Lai Khê, Bình Dương) trong Chiến Dịch Toàn Thắng 1 của QLVNCH và Đồng Minh, truy lùng và tiêu diệt tàn quân cộng sản sau trận Mậu Thân đợt

Sau 6 năm tại Việt Nam với trên 750 quân nhân luôn phiên phục vụ, Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan trở về nước vào tháng 5/1971.

Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan cũng là đơn vị duy nhất của Tân-tây-lan được Hoa Kỳ tuyên dương với huy chương đơn vị “United States Meritorious Unit Commendation” do những công trạng lập được trong thời gian phục vụ tại Lữ Đoàn 173 Nhảy Dù Hoa Kỳ.

- Các Đại Đội Bộ Binh:

Năm 1966, với mục đích tăng cường Lực Lượng Đặc Nhiệm, Úc đã gia tăng áp lực để Tân-tây-lan phải tham gia các đơn vị bộ binh tác chiến. Kết quả, tới tháng 5/1967, Đại Đội Victor One thuộc Tiểu Đoàn 1, Trung Đoàn Bộ Binh Hoàng Gia Tân-tây-lan (1st Battalion of the Royal New Zealand Infantry Regiment) gồm 182 quân nhân được đưa tới Việt Nam, phục vụ trong Lực Lượng Đặc Nhiệm Úc.

Tháng 12 năm đó, thêm Đại Đội Whisky One, cũng thuộc Tiểu Đoàn 1 Tân-tây-lan, được đưa tới tăng cường cho Lực Lượng Đặc Nhiệm.

Hơn một tháng sau, qua sự thỏa thuận giữa hai chính phủ, Đại Đội Victor One và Đại Đội Whisky One của Tân-tây-lan đã sát nhập vào Tiểu Đoàn 2 của Úc (2 RAR) để trở thành Tiểu Đoàn 2 Úc - Tân-tây-lan (2RAR/NZ) còn được gọi là “Tiểu Đoàn ANZAC”, với Tiểu đoàn trưởng là một sĩ quan Úc, và Tiểu đoàn phó là một sĩ quan Tân-tây-lan.

Với cùng một “công thức” đó, tới tháng 5/1968, Tiểu Đoàn 4 Úc - Tân-tây-lan (4RAR/NZ) đã được thành lập để thay thế Tiểu Đoàn 2, và cũng mang danh hiệu “Tiểu Đoàn ANZAC”.



Binh sĩ Tân-tây-lan với lá cờ MDTGPMN bị họ tịch thu

Các đại đội bộ binh Tân-tây-lan phục vụ trong các “Tiểu Đoàn ANZAC” tại Việt Nam được thay thế sau mỗi 12 tháng (tour of duty). Trong thời gian 5 năm, có tổng cộng 9 đại đội, gồm hơn 1600 quân nhân, đã luôn phiên phục vụ. Hai đại đội cuối cùng là Whiskey Three, rời Việt Nam tháng 11/1970, và Victor Six, rời vào tháng 12/1971.

Trong số 37 quân nhân Tân-tây-lan hy sinh trên chiến trường miền Nam VN, đã có 27 người thuộc các đại đội bộ binh nói trên.

- Không Quân:

Bắt đầu vào năm 1965, hai phi đoàn vận tải trong Không Lực Hoàng Gia Tân-tây-lan đã tới hoạt động tại Việt Nam, gồm Phi Đoàn 40 (No. 40 Squadron) và Phi Đoàn 41 (No. 41 Squadron).

Phi Đoàn 40 sử dụng vận tải cơ C-130 và Boeing 757, thực hiện các phi vụ chuyển vận tại Việt Nam cho các lực lượng Tân-tây-lan, Úc-đại-lợi và Hoa Kỳ.



C-130 Hercules của Phi Đoàn 40 Vận Tải

Phi Đoàn 41 sử dụng các loại phi cơ cũ hơn, đảm trách vận chuyển tiếp liệu từ Tân-gia-ba.

Năm 1967, hai phi công thuộc Không Lực Tân-tây-lan được biệt phái tới phục vụ tại Phi Đoàn 9 Trực Thăng của Úc, bay trên UH-1. Năm 1968 có thêm hai phi công khác được biệt phái; và tính tới năm 1971, đã có tổng cộng 16 phi công Tân-tây-lan được biệt phái tới đơn vị trực thăng này.

Năm phi công trực thăng khác được biệt phái tới Phi Đội Quan Sát Độc Lập 161 của Lục Quân Úc, thực hiện các phi vụ thám thính trên trực thăng Sioux.

Ngoài ra, từ năm 1965 tới 1971, đã có tổng cộng 20 nhân viên phi hành Tân-tây-lan được biệt phái tới các đơn vị quan sát của Hoa Kỳ trong nhiệm vụ tiền sát viên (FAC: forward air controller).

- Biệt kích SAS:

(Trong quân đội Anh, Úc và Tân-tây-lan, “SAS”, viết tắt của ba chữ “Special Air Service”, để chỉ lực lượng đặc biệt trong quân đội, gồm các toán biệt kích, phá hoại trong lòng địch,

chống khủng bố, giải cứu con tin... Sở dĩ có chữ “air” trong danh xưng là vì lực lượng này của Anh được thành lập năm 1941, có nhiệm vụ chính là nhảy dù xuống vùng địch để thi hành những công tác đặc biệt)

Tháng 11/1968, một toán biệt kích của Tân-tây-lan với danh xưng 4 Troop, gồm 1 sĩ quan và 25 thuộc cấp, đã tới Núi Đất để hoạt động chung với đơn vị SAS của Úc. Về tham mưu, 4 Troop nằm dưới sự điều động của SAS Úc, nhưng về mặt chỉ huy và tiếp liệu, 4 Troop hoàn toàn độc lập.



Thành viên toán biệt kích 4 Troop

Sở trường của 4 Troop là các chuyến viễn thám đường trường, phục kích và phá hoại đường tiếp liệu của địch.

Thời gian 4 Troop tới Việt Nam cũng lúc quân số của Tân-tây-lan tham chiến tại đây lên tới con số cao nhất: 543 người.

- Huấn luyện:

Nằm trong kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh của Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon, cùng với việc rút quân, tháng 1/1971, Tân-tây-lan đã đưa sang Việt Nam toán huấn luyện 1st New Zealand Army Training Team Vietnam (1 NZATTV) gồm 25 quân nhân thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn để phụ giúp toán huấn luyện của lực lượng Hoa Kỳ tại Trung Tâm Huấn Luyện Chi Lăng.

Tháng 2/1972, toán huấn luyện thứ hai của Tân-tây-lan (2 NZATTV) gồm 18 người đã tới căn cứ Đồng Bà Thìn gần Cam Ranh, với nhiệm vụ huấn luyện các cấp chỉ huy bộ binh của quân đội Cầm-bốt.

Ngoài những đơn vị kể trên, Tân-tây-lan còn có những lực lượng, đơn vị quân sự khác phục vụ tại Việt Nam, nhưng không thường trực, hoặc hoạt động không đáng kể.

III- RÚT QUÂN

Giữa năm 1970, trước sự chống đối chính phủ ngày càng gia tăng trong dân chúng, Thủ tướng Tân-tây-lan Keith Holyoake của Đảng Quốc Gia đã cam kết sẽ rút hết quân khỏi Việt Nam vào cuối năm 1971 (trừ toán huấn luyện), và ông đã thực hiện được lời cam kết ấy: đơn vị tác chiến cuối cùng của Tân-tây-lan rời Việt Nam vào tháng 12 năm 1971.

Tính cho tới lúc ấy, có tổng cộng 3,890 quân nhân Tân-tây-lan, tất cả đều là người tình nguyện, đã phục vụ tại Việt Nam. Trong số này, 37 người hy sinh, và 187 bị thương.

Tuy nhiên, việc rút hết quân sớm ấy cũng không đủ sức cứu vãn Đảng Quốc Gia: mặc dù ông Keith Holyoake đã phải từ chức vào tháng 2/1972 nhường ghế Thủ tướng cho đàn em Jack Marshall, tới cuối năm ấy, ông Norman Kirk của Đảng Lao Động vẫn đại thắng trong cuộc tổng tuyển cử tổ chức vào cuối tháng 11 năm 1972.

Một trong những việc làm đầu tiên của vị tân Thủ tướng Lao Động sau khi tuyên thệ nhậm chức là cho rút nốt hai toán huấn luyện quân sự về nước. Ngày 22/12/1972, những quân nhân này cùng với những quân nhân cuối cùng ở Bộ chỉ huy quân sự Tân-tây-lan ở Sài Gòn rời Việt Nam.

* * *

Với quân số hiện diện tại Việt Nam vào thời điểm cao nhất chỉ lên tới 543 người, việc tham dự của Tân-tây-lan vào cuộc chiến cũng chẳng lấy gì làm to tát, nhưng hậu quả chính trị thì vô cùng trầm trọng.

Vào thời gian này, tại cả Úc lẫn Tân-tây-lan, các thành phần phản chiến, thiên tả đang làm mưa gió, cả Đảng Lao Động Úc dưới bóng Gough Whitlam lẫn Đảng Lao Động Tân-tây-lan trong tay Norman Kirk đều lấy khẩu hiệu “It’s Time” (ngụ ý “Đã tới lúc thoát khỏi quỹ đạo của Mỹ”) để tranh cử, cả hai đảng đều thắng lớn nhờ lòng người đã chán ngán chiến tranh.

Chỉ khác nhau ở một điểm: trong khi tại Úc, sau khi Gough Whitlam trở thành vị thủ tướng đầu tiên, và duy nhất tính tới nay, bị vị Tổng Toàn Quyền Úc (đại diện Nữ hoàng Anh) truất chức, Đảng Tự Do nắm quyền trở lại, thì ở Tân-tây-lan, phản chiến đã trở thành một “chủ nghĩa dân tộc”, ngày càng xa rời các đồng minh phương tây, chống Mỹ, thậm chí chống cả Úc, mà đỉnh cao là đạo luật cấm các chiến hạm nguyên tử (hiểu ngầm là của Hoa Kỳ) cập bến Tân-tây-lan, do Thủ tướng David Lange (Đảng Lao Động) ban hành vào năm 1984, dẫn đưa tới việc Hoa Kỳ chấm dứt công nhận Tân-tây-lan là một thành viên của Hiệp ước ANZUS.

Trong bối cảnh ấy, các cựu chiến binh Tân-tây-lan tham chiến tại Việt Nam đã trở thành những “nạn nhân” đáng thương nhất.

Trong thời gian họ phục vụ tại Việt Nam, gia đình của họ thường bị đám phản chiến, thiên tả

tìm mọi cách để gây phiền nhiễu. Tới khi trở về, họ bị nhục mạ, bị chửi rủa là “baby-killers”, “war mongers” ở nơi công cộng, thậm chí bị tấn công tưới máu giả lên người!...

Nhưng tệ hại nhất phải là sự phân biệt đối xử của các cơ quan chính phủ và ngay cả Hội Cựu Chiến Binh Tân-tây-lan (Returned Services Association). Họ không được nhìn nhận như những tập thể cựu chiến binh khác, chỉ vì họ đã tình nguyện (chứ không phải bị bắt buộc) tham gia “một cuộc chiến tranh phi nhân phi nghĩa”!

Thành thử vào thập niên 1980, trong khi tại Hoa Kỳ và Úc-đại-lợi rầm rộ diễn ra những cuộc tuần hành “Welcome Home” để vinh danh các cựu chiến binh tham chiến tại Việt Nam, các cựu chiến binh VN ở Tân-tây-lan chỉ biết khóc thầm!

Phải đợi hơn 20 năm sau, khi Hoa Kỳ đã “bình thường hóa” phần nào quan hệ với Tân-tây-lan vào năm 2007, tới năm 2008, lần đầu tiên các cựu chiến binh Tân-tây-lan tham chiến tại Việt Nam mới được ngẩng cao đầu trong cuộc diễn hành “Welcome Home” đầu tiên – diễn ra hơn nửa thế kỷ sau chiến thắng Long Tân mà Tiểu Đoàn 161 Pháo Binh Tân-tây-lan đã góp công đầu!



Welcome Home 2008 (chú ý: banner của toán biệt kích 4 Troop)

Vẫn biết “thà muộn còn hơn không bao giờ”, nhưng thực tế đáng buồn là có khá nhiều cựu chiến binh không còn sống để chứng kiến “ngày vinh quang” đến muộn ấy!

Nguyễn Hữu Thiện

Melbourne, tháng 10/2019

**Đơn vị Biệt Kích SAS Tân Tây Lan
(New Zealand Special Air Service) (NZSAS)**





Royal New Zealand Artillery (RNZA)

On 27 May 1965 Holyoake announced the government's decision to send 161 Battery, Royal New Zealand Artillery to South Vietnam in a combat role. The New Zealand Army Detachment (NEWZAD) engineers were replaced by the Battery in July 1965, which consisted of nine officers and 101 other ranks and four 105 mm L5 pack howitzers (later increased to six, and in 1967 replaced with 105 mm M2A2 Howitzers). 161 Battery was initially under command of the United States Army's 173rd Airborne Brigade for the first 12 months based at Bien Hoa near Saigon. Upon the formation of 1st Australian Task Force at Nui Dat, in Phuoc Tuy Province in June 1966, the New Zealand government was given the choice of allowing the battery to remain at Bien Hoa with the 173rd Airborne under U.S command or integrate with the Australian forces. It was decided the battery would join 1ATF and serve with Royal Australian Artillery field regiments.

The gunners were noted for their key role in assisting the 6th Battalion, Royal Australian Regiment, during the Battle of Long Tan, in which 18 Australians were killed holding off a regimental sized enemy force on 18 August 1966. The battery also played important roles during the Tet Offensive and the Battle of Coral–Balmoral in 1968. The Battery left Vietnam in May 1971 after providing virtually continuous fire support usually in support of Australian and New Zealand infantry units for six years, with over 750 men having served with the Battery during the period of its deployment.

Royal New Zealand Infantry Regiment (RNZIR)

In 1966, when Confrontation came to an end and Australia decided to expand the 1st Australian Task Force, New Zealand came under pressure to increase its commitment and did so. In May 1967, a 182-man rifle company, (Victor One Company) was deployed to Vietnam from the 1st Battalion of the Royal New Zealand Infantry Regiment in Malaysia. In December Victor One was joined by Whisky One Company, also from the 1st Battalion, and they were then placed under the 1st Australian Task Force's command.

Following agreement between the Australian and New Zealand Governments in late February 1968, V Company and W Company and 2nd Battalion, Royal Australian Regiment (2RAR) were amalgamated into 2RAR/NZ (ANZAC) Battalion (2RAR/NZ) in March 1968. The new "ANZAC Battalion" 2IC was filled by RNZIR Officer, Major RIG Thorpe. 4th Battalion, Royal Australian Regiment (4RAR), relieved 2RAR in May 1968 thus forming 4RAR/NZ (ANZAC) Battalion (4RAR/NZ),

again with a New Zealander as 2IC, Major ATA Mataira. In due course the RNZIR component of the ANZAC Battalion would also include Mortar and Assault Pioneer Sections as well as Administrative personnel.[8] Subsequent rotations of the ANZAC Battalion retained the command structure of having an Australian battalion commander and a New Zealand 2IC.

The New Zealand rifle companies were deployed on infantry operations in Phuoc Tuy Province and were replaced several times, as were the Australian regiments (although not at the same time), usually after a 12-month tour of duty. Whiskey Three Company was withdrawn without replacement in November 1970 and Victor Six Company was withdrawn without replacement in December 1971.

Over the five-year period, more than 1600 New Zealand soldiers of the nine NZ rifle companies engaged in a constant round of jungle patrols, ambushes, and cordon-and-search operations, in both Australian-led and independently conducted operations.

Additionally, 11 RNZIR personnel served as detachments to the Australian Army Training Team Vietnam which operated in Vietnam from 1962–1972.

New Zealand Services Medical Team (NZSMT)

New Zealand's military presence in South Vietnam was also increased in April 1967 with the arrival of the 1st New Zealand Services Medical Team, a 19-strong detachment consisting of medical personnel from the Royal New Zealand Air Force, Royal New Zealand Navy and Royal New Zealand Army Medical Corps. The team's role was to provide medical and surgical assistance to South Vietnamese civilians and developing local knowledge in this field. The New Zealanders relieved a United States Army medical team at Bong Son in Bình Định Province. They also treated military casualties who were brought to the Bong Son Dispensary, including Army of the Republic of Vietnam personnel and Viet Cong prisoners. In June 1969 the team moved to the new 100-bed Bong Son Impact Hospital. The average bed-state was 92 and approximately 46,000 outpatients (mostly civilians) were treated annually before the team's withdrawal in December 1971. Overall there were 98 personnel involved over the four-and-a-half years of the Team's deployment: 47 from the Army, 27 from the Air Force and 24 from the Navy.

Royal New Zealand Navy (RNZN)

The Royal New Zealand Navy contribution to New Zealand's military involvement in the Vietnam War began in April 1967 with RNZN medical members being part of the tri-service New Zealand Services Medical Team (NZSMT.) Subsequently, a few served with the second of the two New Zealand training teams deployed to Vietnam after combat troops withdrew in 1971. Additionally three RNZN personnel served with the US Navy on a Junior Officer Exchange program in 1971, each posted on the aircraft carrier USS Kitty Hawk (CV-63) and destroyer USS William H. Standley (DLG-32) off the coast of North Vietnam.

Royal New Zealand Air Force (RNZAF)

From 1965 the Royal New Zealand Air Force contribution was in the form of transportation with No. 40 Squadron RNZAF providing troop transport for New Zealand, Australian and some American troops, and No. 41 Squadron RNZAF providing resupply missions from Singapore.

In 1967 two RNZAF pilots were seconded to the Royal Australian Air Force's No. 9 Squadron, which was flying UH-1 Iroquois helicopters as troop transports. Two more RNZAF pilots joined No. 9 Squadron in 1968. By 1971 16 New Zealand pilots had served in 9 Squadron.

Between 1965 and 1971 approximately 20 RNZAF personnel served as attachments to various units

of the United States Air Force, as Forward air controllers.

5 RNZAF pilots[16] flew Sioux helicopters with the Australian 161st (Independent) Reconnaissance Flight (161 Recce Flt) which was formed in 1965, supporting the New Zealand artillery, infantry and NZSAS units.

RNZAF personnel were numerous in the New Zealand Services Medical Team (NZSMT) and one[18] went on to be part of the subsequent New Zealand Army Training Team (NZATTV.)

Two small RNZAF detachments were attached to U.S Marine Corps A-4 Skyhawk squadron VMA-311 at Chu Lai Air Base in January 1970 and October 1970.

RNZAF personnel were also posted to HQ V Force and worked primarily in Saigon in a range of liaison duties. The last RNZAF flight out from Vietnam was the evacuation of the New Zealand Ambassador in April 1975, just before the Fall of Saigon.

One RNZAF member of the NZSMT, Sgt Gordon Watt, was killed by a booby trap in 1970, the RNZAF's only casualty of the war.

New Zealand Special Air Service (NZSAS)

In November 1968, New Zealand's contribution to the 1st Australian Task Force was increased by the deployment of 4 Troop, New Zealand Special Air Service, comprising an officer and 25 other ranks. The arrival of this Troop raised New Zealand's deployment to Vietnam to its peak – 543 men. The Troop was attached to the Australian SAS Squadron at Nui Dat and carried out long-range reconnaissance and the ambushing of enemy supply routes, mounting 155 patrols over three tours until being withdrawn in February 1971. Although under the operational command of the Australian SAS Squadron Commander when deployed into the field on operations, 4 Tp NZSAS was an independent command and self-sufficient.

Royal New Zealand Engineer Detachment (RNZE Det)

Each time New Zealand military contribution to South Vietnam increased, a work party of the Corps of Royal New Zealand Engineers was sent to assist in preparing the site for the new arrivals. RNZE Det helped set up the NZ artillery battery when it moved to Nui Dat in September 1966 and again for Victor One Company RNZIR from early November to December 1967. The final detachment was sent to assist 1 NZATTV establish themselves in Chi Lang in November 1970. This detachment stayed in South Vietnam until February 1971. Additionally, Lieutenant Colonel Kenneth Charles Fenton RNZE, was administratively in charge of all New Zealand forces in Vietnam, at the New Zealand Headquarters in Saigon (V Force HQ) from July 25, 1968 to July 30, 1970.

New Zealand Army Training Team Vietnam (1 NZATTV & 2 NZATTV)

As American focus shifted to President Richard Nixon's 'Vietnamization' – a policy of slow disengagement from the war, by gradually building up the Army of the Republic of Vietnam so that it could fight the war on its own, New Zealand dispatched the 1st New Zealand Army Training Team Vietnam (1 NZATTV) in January 1971. Numbering 25 men from different branches of service, it assisted the United States Army Training Team in Chi Lang. The team helped train South Vietnamese platoon commanders in tactics and small-arms techniques.

In February 1972 a second training team (2 NZATTV), 18 strong (including three RNZN personnel), was deployed to Vietnam and was based at Dong Ba Thin Base Camp, near Cam Ranh Bay. It assisted with the training of Cambodian infantry battalions in weapons use, tactics and first aid, and provided technical assistance. This team also provided first aid instruction and specialist

medical instruction at Dong Ba Thin's 50-bed hospital.

Royal New Zealand Electrical and Mechanical Engineers (RNZEME)

When 161st Battery, RNZA arrived in Vietnam in 1965 a detachment of engineers from the Royal New Zealand Electrical and Mechanical Engineers formed the Logistic Support Element (LSE), to service the battery. When the 1st Australian Task Force was moved to Phuoc Tuy Province in 1966, the LSE was detached from the battery and established within the 1st Australian Logistic Support Group (1 ALSG) at Vung Tau. RNZEME personnel who had been in the LSE were taken for the most part into the Light Aid Detachment (LAD) of the Australian Artillery Field Regiment (of which 161 Bty became a part of following its first year of service with the U.S 173rd Airborne Brigade). RNZEME tradesmen also served with the New Zealand Services Medical Team in the town of Bong Son, in the Binh Dinh Province, and re-established New Zealand's association with the 173rd Airborne Brigade. However some RNZEME personnel served in the RNZIR rifle companies, the ANZAC Battalions (Command & Support), as well as at the New Zealand V Force HQ in Saigon. The initial NEWZAD deployment included a few RNZEME personnel, as did the latter NZATTV.

Royal New Zealand Army Ordnance Corps (RNZAOC)

Some 50 RNZAOC personnel served in the Headquarters of the 1st Australian Logistic Support Group [1 ALSG] following the formation of the 1 ATF in June 1966. Along with other New Zealand branches of service RNZAOC personnel went about their business with their Australian counterparts in all aspects of the Groups support functions for Australian and New Zealand forces in Vietnam.

Royal New Zealand Armoured Corps (RNZAC)

Members of the Royal New Zealand Armoured Corps served with the 3rd Cavalry Regiment of the Royal Australian Armoured Corps, 161 Bty RNZA, V Force HQ, the ANZAC Battalions (Command and Support), V and W Companies RNZIR, 1st Squadron, 4th Cavalry Regiment (U.S Army), 1st Australian Logistic Support Group, and NZAATV. Additional short-term postings included detachments to several U.S Cavalry units.

Royal New Zealand Army Medical Corps (RNZAMC)

Most personnel from the Royal New Zealand Army Medical Corps served with the New Zealand Services Medical Team (NZSMT) or otherwise stationed at the New Zealand V Force Headquarters in Saigon and at 1 ALSG. After combat troop withdrawals in 1971 several RNZAMC personnel were part of the NZAATV teams.

Royal New Zealand Army Service Corps (RNZASC)

Although the Royal New Zealand Army Service Corps was not represented as a unit in the New Zealand contingent to Vietnam over 140 RNZASC personnel served throughout the war as medics in 161 Bty RNZA, Victor and Whisky Companies RNZIR, and 4 Troop NZSAS, as well as in administration and advisory roles in New Zealand V Force HQ in Saigon, 1 ALSG, and as members of 1 NZATTV.

Royal New Zealand Corps of Signals (RNZSigs)

Members of the Royal New Zealand Corps of Signals served in all New Zealand units in Vietnam, including RNZA, RNZIR, NZSAS, and V Force HQ. Some served as intelligence officers with 1ATF. The last commander of 1NZATTV (5 Dec 1972 – 13 Dec 1972), Major TD Macfarlane, was from RNZSigs.

New Zealand Attachments to United States Army, Air Force and Navy

More than a dozen New Zealand servicemen, mostly Commissioned Officers from the Royal New

Zealand Armoured Corps, spent periods of time attached to a wide range of American (and Thai and Korean) units throughout the war. These were not always formal postings as such. Some of these attachments were planned as part of officers' career planning by Defence Headquarters; others were opportunity attachments through contact with Allied commanders at many levels. Exact figures are not known. These were attachments in addition to the 161 Bty RNZA's initial attachment to the 173rd Airborne Brigade 1965–1966, the 20 or so RNZAF personnel who throughout the war served with the USAF as forward observers, and the two RNZAF detachments to the USMC Marine Attack Squadron 311 (VMA-311) in 1970.

https://en.wikipedia.org/wiki/New_Zealand_in_the_Vietnam_War

Nguồn: <https://hoiquanphidung.com/hqpd4/showthread.php?28889-QU%C3%82N-L%E1%BB%B0C-HO%C3%80NG-GIA-%C3%9AC-trong-CU%E1%BB%98C-CHI%E1%BA%BEN-VI%E1%BB%86T-NAM>

www.vietnamvanhien.org



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info

TỦ SÁCH VĂN HIẾN ONLINE VỚI HƠN 11000 TÁC PHẨM